

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TP. BUÔN MA THUẬT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17 – 8 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kim Cúc.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hưng

2. Ông Nguyễn Đức Trung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột** tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại phòng xử án - Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2020/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Trương Thị Mộng L – Sinh năm 1977 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: x đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T – Sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: x đường T, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\*Theo nội dung đơn khởi kiện và tại bản tự khai - Nguyên đơn bà Trương Thị Mộng L trình bày:** Bà và ông Nguyễn Văn T có tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/1999 tại Ủy ban nhân dân phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Ông bà chung sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là không hợp tính tình, vợ chồng không có sự tin tưởng thường xuyên cãi vã. Từ năm 2016 đến nay vợ chồng ông bà đã sống ly thân. Nay, xét thấy tình cảm giữa hai vợ

chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân. Vì vậy, bà L yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

**Về con chung:** Trong quá trình chung sống với nhau bà Trương Thị Mộng L và ông Nguyễn Văn T có 02 đứa con chung là cháu Nguyễn Nhật Tr - Sinh ngày 05/8/2000 và cháu Nguyễn Hoàng Đ - Sinh ngày 09/10/2001. Hiện các cháu đều đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về tài sản chung và nợ chung:** Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn ông Nguyễn Văn T:** Tòa án đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trương Thị Mộng L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T, địa chỉ cư trú tại phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Nguyên đơn bà Trương Thị Mộng L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Mộng L và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu, đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/1999 tại Ủy ban nhân dân phường TA, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà Trương Thị Mộng L và ông Nguyễn Văn T chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là không hợp tính tình, vợ chồng không có sự tin tưởng, thường xuyên cãi vã. Từ năm 2016 đến nay vợ chồng ông bà đã sống ly thân. Do đó bà L đã nộp đơn đề nghị giải quyết xin ly hôn với ông T. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương, nơi ông Nguyễn Văn T sinh sống. Đại diện chính quyền địa phương cho biết: “Ông Nguyễn Văn T đang sinh sống cùng với bà Nguyễn Thị H là chị gái ông T và mẹ là Trần Thị T1, bà L không sinh sống cùng chồng tại địa chỉ trên. Về mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không nắm rõ do vợ chồng bà L không yêu cầu hòa giải tại địa phương. Nay bà L

*làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật”.*

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, việc ông T không đến tham gia vào các buổi hòa giải và phiên xét xử của Tòa, đã thể hiện việc ông T không có ý định hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này, từ đó cho thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trương Thị Mộng L, cho bà L được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau bà Trương Thị Mộng L và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung là cháu Nguyễn Nhật Tr - Sinh ngày 05/8/2000 và cháu Nguyễn Hoàng Đ - Sinh ngày 09/10/2001. Hiện các cháu đều đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Thị Mộng L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Trương Thị Mộng L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định, bị đơn ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trương Thị Mộng L.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trương Thị Mộng L được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

**2. Về con chung:** Các cháu Nguyễn Nhật Tr - Sinh ngày 05/8/2000 và cháu Nguyễn Hoàng Đ - Sinh ngày 09/10/2001 hiện đã trưởng thành nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Dương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Bà Trương Thị Mộng L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà Phạm Thị Bích C nộp thay Trương Thị Mộng L theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0007577 ngày 11/3/2020 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

*Về quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi Cục THADS Tp. BMT;
- Đương sự;
- UBND P. TA, Tp. BMT,  
T, Đắk Lắk (GCNKH số 046,  
quyển số 01, ngày 05/5/1999);
- Lưu hồ sơ tại tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Kim Cúc**